

Số: 937 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 02 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa
Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé;

Căn cứ Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé tại Công văn số 1003/BCĐ-CV ngày 02/5/2018, Tờ trình số 01/CSSB-TGV ngày 24/4/2018 của Tổ Giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé, với những nội dung chính như sau:

1. Tên gọi, trụ sở chính:

- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Cao su Sông Bé.
- Tên tiếng Anh: Song Be Rubber Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: SORUCO.
- Loại hình hoạt động: Công ty cổ phần.
- Trụ sở chính: Quốc lộ 14, tổ 8, ấp 3, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Điện thoại: (0271) 3667249; Fax: (0271) 3667260.

- Website: www.caosusongbe.vn

- Logo:



2. Công ty cổ phần Cao su Sông Bé: Có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; có con dấu riêng; được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật; tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần Cao su Sông Bé, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan. Công ty cổ phần Cao su Sông Bé kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé trước khi chuyển đổi.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây cao su (Mã ngành 0125 - chính);
- Trồng cây lâu năm khác (Mã ngành 0129);
- Trồng cây hàng năm khác (Mã ngành 0119);
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng gỗ nguyên sinh (Mã ngành 2013);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn cao su, phân bón, hóa chất, chất dẻo dạng nguyên sinh, tơ, xơ, sợi dệt, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Mã ngành 4669).

4. Hình thức cổ phần hóa:

Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

5. Vốn điều lệ và cơ cấu cổ phần phát hành:

a) Vốn điều lệ: 1.230.633.000.000 đồng (Một ngàn hai trăm ba mươi tỷ, sáu trăm ba mươi ba triệu đồng) tương ứng 123.063.300 cổ phần. Mệnh giá 10.000 đồng/01 cổ phần.

b) Cơ cấu vốn điều lệ:

- Cổ phần nhà nước: 79.950.000 cổ phần, chiếm 64,967% vốn điều lệ.
- Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường: 28.693.670 cổ phần, chiếm 23,316% vốn điều lệ.
- Cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp 2.013.300 cổ phần, chiếm 1,636% vốn điều lệ. Trong đó:

+ Bán cổ phần với giá ưu đãi cho người lao động thường xuyên theo khoản 1 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP: 584.300 cổ phần, chiếm 0,475% vốn điều lệ.

+ Bán thêm cổ phần cho người lao động theo khoản 2 Điều 42 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP: 1.429.000 cổ phần, chiếm 1,161% vốn điều lệ.

- Cổ phần bán cho tổ chức Công đoàn tại doanh nghiệp: 100.000 cổ phần, chiếm 0,081% vốn điều lệ.

- Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: 12.306.330 cổ phần, chiếm 10,000% vốn điều lệ.

c) Bán thêm cổ phần cho người lao động:

- Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng Công ty cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho Công ty trong thời hạn ít nhất là 03 năm sẽ được mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong Công ty nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

- Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại Công ty được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong Công ty nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Tiêu chí xác định người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao như sau:

+ Điều kiện: Độ tuổi Nam từ dưới 55 tuổi, Nữ từ dưới 50 tuổi; có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa; thuộc đối tượng Công ty cần sử dụng; có cam kết làm việc lâu dài cho Công ty trong thời hạn ít nhất là 03 năm.

+ Cán bộ chủ chốt Công ty (Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng; Trưởng phòng, Giám đốc, Chức danh tương đương Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Phó Giám đốc, Chức danh tương đương Phó Trưởng phòng); Chủ tịch Công đoàn cơ sở.

+ Có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên, có thâm niên làm việc cho Công ty từ 05 năm trở lên.

d) Bán cổ phần ra công chúng:

- Giá khởi điểm: 10.000 đồng/01 cổ phần.

- Căn cứ Báo cáo đề xuất giá khởi điểm ngày 23/4/2018 của Đơn vị tư vấn (Công ty TNHH chứng khoán ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh).

- Phương thức bán: Đấu giá công khai.

- Tổ chức tài chính trung gian tư vấn bán cổ phần: Công ty TNHH chứng khoán ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (VCBC).

- Địa điểm đấu giá: Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời gian bán cổ phần: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

e) Bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược:

- Tiêu chí lựa chọn:

+ Là tổ chức, doanh nghiệp hoạt động hợp pháp trong nước, có năng lực tài chính mạnh, có vốn điều lệ của năm trước năm đăng ký tham gia nhà đầu tư chiến

lược tối thiểu đạt 300 tỷ đồng. Có lợi nhuận sau thuế trong 3 năm liên tiếp. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không có lỗ lũy kế đến thời điểm 31/12/2017.

+ Là tổ chức, doanh nghiệp có tối thiểu 3 năm hoạt động một trong các lĩnh vực kinh doanh liên quan đến: (i) sản xuất, chế biến, tiêu thụ cao su thiên nhiên; (ii) chế biến sản phẩm công nghiệp cao su; (iii) kinh doanh khu công nghiệp; (iv) sản xuất, kinh doanh nông nghiệp công nghệ cao; (v) sản xuất, kinh doanh chăn nuôi.

+ Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với Công ty, hỗ trợ hoạt động và bảo đảm quyền lợi người lao động Công ty sau cổ phần hóa.

+ Thực hiện nộp tiền đặt cọc theo quy định của pháp luật. Trường hợp từ bỏ quyền mua, nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc.

+ Cam kết không chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần được mua trong thời gian tối thiểu là 3 năm tính từ khi trở thành cổ đông của Công ty.

+ Có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc đảm bảo nguồn tiền dùng để đặt cọc và thanh toán tiền mua cổ phần có nguồn gốc hợp pháp theo đúng các quy định có liên quan.

- Giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: Thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

- Thời hạn hoàn thành bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

- Ủy quyền cho Tổ giúp việc chủ động tìm kiếm đối tác, tiến hành đàm phán với nhà đầu tư chiến lược trên cơ sở Phương án cổ phần hóa được phê duyệt và các quy định có liên quan, gửi Ban chỉ đạo xem xét, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả bán cổ phần.

6. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cao su Sông Bé là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

7. Công ty cổ phần Cao su Sông Bé thực hiện xử lý đất đai, thuê đất của nhà nước, trả tiền thuê đất hàng năm, thực hiện việc quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai và pháp luật có liên quan.

8. Phương án sắp xếp lao động:

- Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 972 người;
- Tổng số lao động chuyển sang Công ty cổ phần Cao su Sông Bé: 972 người;
- Tổng số lao động dôi dư: 0 người.

9. Chi phí cổ phần hóa: Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

10. Dự thảo Điều lệ công ty cổ phần: Thông qua dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Sông Bé. Điều lệ chính thức do Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua khi được ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư góp vốn mua cổ phần dự họp chấp thuận.

Điều 2. Ban chỉ đạo cổ phần hóa có trách nhiệm chỉ đạo Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé thực hiện Phương án cổ phần hóa đã được UBND tỉnh phê

duyệt theo đúng quy định hiện hành của pháp luật và xử lý dứt điểm những tồn tại về tài chính, đất đai, lao động, ... liên quan đến Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé trước khi chính thức chuyển Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé thành công ty cổ phần.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT, (Binh).₁₂

CHỦ TỊCH^K



Nguyễn Văn Trâm

Số: 1447/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 25 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa
Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé tại Công văn số 1522/BCĐ-CV ngày 13/6/2018, Báo cáo số 24/BC-CSSB ngày 31/5/2018 của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chuyển số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược (12.306.330 cổ phần) sang thành số cổ phần thực hiện bán đấu giá công khai ra công chúng theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 1 phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 02/5/2018.

Điều 2. Ngoài nội dung điều chỉnh trên, các nội dung khác vẫn thực hiện theo Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 02/5/2018 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT, (Binh).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

Số: 3453/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa
Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

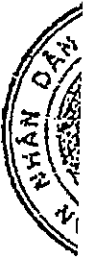
Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 và Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23/4/2012 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 3150/QĐ-UBND ngày 07/12/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc điều chỉnh Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23/4/2012 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 3255/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé;

Căn cứ Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 và Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh về việc thay đổi thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé;



gửi
Lãnh đạo
Kế toán
các phòng
giúp việc
all
2/12

Căn cứ Công văn số 495/UBND-KTTH ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé;

Căn cứ Công văn số 3507/UBND-TH ngày 17/10/2017 của UBND tỉnh về việc Dự án cấp treo Bà Rá;

Căn cứ Công văn số 4090/UBND-TH ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh về việc tạm chuyển giao Dự án BOT đường ĐT741 đoạn Bàu Tru - Đồng Xoài;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé tại Công văn số 4463/BCĐ-CV ngày 29/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2017 của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé để cổ phần hóa như sau:

Giá trị thực tế của doanh nghiệp để cổ phần hóa: **1.049.145.634.931 đồng** (Một ngàn không trăm bốn mươi chín tỷ, một trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi bốn ngàn, chín trăm ba mươi một đồng).

Trong đó:

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp: **628.127.681.721 đồng** (Sáu trăm hai mươi tám tỷ, một trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi một ngàn, bảy trăm hai mươi một đồng).

(Có Bảng chi tiết kết quả xác định giá trị doanh nghiệp kèm theo).

Điều 2. Tài sản không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán):

1. Tài sản không cần dùng: **34.378.616.990 đồng** (Ba mươi bốn tỷ, ba trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, chín trăm chín mươi đồng).

Công ty thực hiện chuyển giao các tài sản này sang đơn vị mới: Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh, Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bù Đốp và Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bù Đăng theo Công văn số 4090/UBND-TH ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh và Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh. Việc chuyển giao các tài sản này hoàn thành trước ngày 30/6/2018.

2. Tài sản chờ thanh lý: **67.524.293.370 đồng** (Sáu mươi bảy tỷ, năm trăm hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi ba ngàn, ba trăm bảy mươi đồng).

Công ty tiếp tục thực hiện thanh lý các tài sản này theo Công văn số 3507/UBND-TII ngày 17/10/2017 của UBND tỉnh và các văn bản quy định của pháp luật. Việc thanh lý và nhượng bán các tài sản này hoàn thành trước ngày 30/6/2018.

Điều 3. Căn cứ vào giá trị doanh nghiệp được xác định tại Điều 1 Quyết định này, Ban chỉ đạo cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé thực hiện các công việc tiếp theo để cổ phần hóa Công ty.

Điều 4. Ban chỉ đạo cổ phần hóa có trách nhiệm chỉ đạo Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé thực hiện bàn giao tài sản không cần dùng, tài sản chờ thanh lý ghi tại Điều 2 Quyết định này và các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng rủi ro, dự phòng nghiệp vụ... đang được tiếp tục theo dõi ngoài bảng theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

Trong khi chưa bàn giao, Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé có trách nhiệm tiếp tục bảo quản không để xảy ra mất mát tài sản của Nhà nước.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT. *12k*



CHỦ TỊCH *th*

Nguyễn Văn Trùm

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

**KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU SÔNG BÈ
TẠI THỜI ĐIỂM 00 GIỜ 00 PHÚT NGÀY 01/01/2017
(Kèm theo Quyết định số: 3453/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh)**

Đơn vị tính: Đồng.

Chỉ tiêu	Số liệu Xác định giá trị doanh nghiệp	Số liệu thẩm tra lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)-(2)
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	1.049.145.634.931	1.049.145.634.931	0
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	825.357.397.282	825.357.397.282	0
1. Tài sản cố định	298.988.557.537	298.988.557.537	0
1.1. Tài sản cố định hữu hình	297.766.557.549	297.766.557.549	0
- Nhà cửa, vật kiến trúc	36.656.933.901	36.656.933.901	0
- Máy móc, thiết bị	6.236.324.876	6.236.324.876	0
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6.457.717.743	6.457.717.743	0
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	344.120.000	344.120.000	0
- Vườn cây cao su kinh doanh	248.071.461.029	248.071.461.029	0
1.2. Tài sản cố định vô hình	1.221.999.988	1.221.999.988	0
- Giá trị quyền sử dụng đất	1.221.999.988	1.221.999.988	0
2. Đầu tư tài chính dài hạn	51.866.037.199	51.866.037.199	0
- Đầu tư tài chính dài hạn	51.866.037.199	51.866.037.199	0
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	0	0	0
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	231.596.250.130	231.596.250.130	0
- Vườn cây cao su kiến thiết cơ bản	145.319.013.558	145.319.013.558	0
- Công trình xây dựng cơ bản dở dang	86.277.236.572	86.277.236.572	0
4. Các khoản phải thu dài hạn	54.943.300.555	54.943.300.555	0
- Các khoản phải thu dài hạn	54.943.300.555	54.943.300.555	0
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	0	0	0
5. Chi phí trả trước dài hạn	187.963.251.861	187.963.251.861	0
- Chi phí trả trước dài hạn	1.447.252.030	1.447.252.030	0
- Công cụ dụng cụ đã phân bổ hết giá trị vào chi phí	188.972.700	188.972.700	0
- Tiền thuê đất trả một lần	186.327.027.131	186.327.027.131	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	198.307.532.211	198.307.532.211	0
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	95.518.000.863	95.518.000.863	0
- Tiền mặt tồn quỹ	533.527.000	533.527.000	0
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.984.473.863	10.984.473.863	0
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	84.000.000.000	84.000.000.000	0
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	69.844.270.010	69.844.270.010	0
3. Hàng tồn kho	30.676.839.202	30.676.839.202	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	2.268.422.136	2.268.422.136	0
III. Giá trị lợi thế kinh doanh	25.480.705.438	25.480.705.438	0

IV. Giá trị quyền sử dụng đất	0	0	0
B. Tài sản không cân bằng (I+II)	34.378.616.990	34.378.616.990	0
(Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)			0
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	34.378.616.990	34.378.616.990	0
1. Tài sản cố định hữu hình	32.647.184.201	32.647.184.201	0
- Nhà cửa, vật kiến trúc	32.502.390.790	32.502.390.790	0
- Máy móc, thiết bị	126.709.695	126.709.695	0
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	18.083.716	18.083.716	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.731.432.789	1.731.432.789	0
- Chi phí tạo rừng sự nghiệp Bù Đốp và Nghĩa Trung	1.731.432.789	1.731.432.789	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	0	0	0
C. Tài sản chờ thanh lý (I+II)	67.524.293.370	67.524.293.370	0
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	67.524.293.370	67.524.293.370	0
1. Tài sản cố định hữu hình	67.524.293.370	67.524.293.370	0
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5.350.383.410	5.350.383.410	0
- Máy móc, thiết bị	62.173.909.960	62.173.909.960	0
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	0	0	0
- Vườn cây cao su kinh doanh	0	0	0
2. Tài sản cố định vô hình	0	0	0
- Phần mềm quản lý	0	0	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	0	0	0
D. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng phúc lợi	3.225.832.454	3.225.832.454	0
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	1.154.274.377.745	1.154.274.377.745	0
Trong đó:			0
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	1.049.145.634.931	1.049.145.634.931	0
E1. Nợ thực tế phải trả	417.699.345.936	417.699.345.936	0
Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng phải nộp ngân sách nhà nước	0	0	0
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	3.318.607.274	3.318.607.274	0
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP [A-(E1+E2)]	628.127.681.721	628.127.681.721	0

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn
nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Công văn số 166/TTg-ĐMDN ngày 07/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh Bình Phước,

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 260/SKHĐT-ĐKKD ngày 28/3/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt lộ trình sắp xếp và tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ khi tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé tiến hành thủ tục thực hiện cổ phần hóa từ 01/01/2014, hoàn tất trong năm 2014; tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ khi cổ phần hóa là 75% vốn điều lệ.

2. Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước tiến hành thủ tục thực hiện cổ phần hóa từ 01/01/2015, hoàn tất trong năm 2015; tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ khi cổ phần hóa là 51% vốn điều lệ.

3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước tiến hành thủ tục thực hiện cổ phần hóa từ 01/01/2015, hoàn tất trong năm 2015; tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ khi cổ phần hóa là 30% vốn điều lệ.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành chức năng có liên quan hướng dẫn các công ty lập phương án sắp xếp chuyển đổi doanh nghiệp theo đúng quy định.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động – Thương binh và xã

hội, Công ty TNHH MTV Cao su Sông Bé, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước, Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTTH, KTN;
- Lưu: VT. 9



Phạm Văn Công